

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	000549	Đông Nguyễn Xuân An	23	10A1
2	000102	Nguyễn Võ Khánh An	5	10A1
3	000047	Dương Phương Anh	2	10A1
4	000237	Nguyễn Phước Quỳnh Anh	10	10A1
5	000561	Trần Gia Bảo	24	10A1
6	000402	Lê Tự Hoàng Chí	17	10A1
7	000214	Hồ Chí Dũng	9	10A1
8	000097	Nguyễn Lương Duyên	5	10A1
9	000048	Trần Minh Đăng	2	10A1
10	000384	Lê Công Đức	16	10A1
11	000204	Lê Nguyễn Trà Giang	9	10A1
12	000436	Trần Quỳnh Giang	19	10A1
13	000203	Nguyễn Trần Ngọc Hân	9	10A1
14	000131	Lâm Nguyễn Thanh Hoài	6	10A1
15	000434	Nguyễn Huy Hoàng	18	10A1
16	000189	Phạm Đức Thiên Hoàng	8	10A1
17	000099	Nguyễn Ngọc Ánh Hồng	5	10A1
18	000314	Nguyễn Quang Huy	14	10A1
19	000480	Vũ Xuân Trường Huy	20	10A1
20	000417	Nguyễn Quang Khánh	18	10A1
21	000472	Trần Minh Khôi	20	10A1
22	000349	Mai Hoàng Minh	15	10A1
23	000345	Nguyễn Đỗ Thu Ngân	15	10A1
24	000192	Đoàn Lê Phương Nghi	8	10A1
25	000008	Vũ Hà Như Ngọc	1	10A1
26	000548	Nguyễn Song Nguyên	23	10A1
27	000399	Võ Văn Nhân	17	10A1
28	000077	Nguyễn Hoàng Yến Như	4	10A1
29	000404	Nguyễn Quỳnh Như	17	10A1
30	000057	Trần Cam Pha	3	10A1
31	000028	Hồ Công Gia Phúc	2	10A1
32	000207	Lương Anh Quân	9	10A1
33	000504	Nguyễn Hoàng Quân	21	10A1
34	000190	Nguyễn Tú Quỳnh	8	10A1
35	000253	Tổng Hồng Thái	11	10A1
36	000487	Bùi Hoàng Anh Thy	21	10A1
37	000508	Nguyễn Duy Minh Trí	21	10A1
38	000202	Trần Thanh Trí	9	10A1
39	000149	Vương Minh Trí	7	10A1
40	000158	Nguyễn Minh Triết	7	10A1
41	000342	Hoàng Anh Tú	15	10A1
42	000401	Trần Nhật Viên	17	10A1
43	000519	Nguyễn Công Toại	22	10A1

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	000228	Nguyễn Hoàng Anh	10	10A2
2	000004	Nguyễn Hoàng Phương Anh	1	10A2
3	000574	Nguyễn Tuấn Anh	24	10A2
4	000360	Đặng Gia Bảo	15	10A2
5	000352	Đỗ Văn Bình	15	10A2
6	000230	Uông Thị Thanh Bình	10	10A2
7	000414	Võ Thực Minh Châu	18	10A2
8	000272	Nguyễn Công Danh	12	10A2
9	000411	Huỳnh Đức Duy	18	10A2
10	000147	Nguyễn Hoàng Duy	7	10A2
11	000422	Phạm Tiến Đạt	18	10A2
12	000257	Lê Minh Hiếu	11	10A2
13	000361	Nguyễn Ngọc Tuấn Hoàng	16	10A2
14	000572	Nguyễn Bá Huy	24	10A2
15	000415	Nguyễn Quang Huy	18	10A2
16	000507	Phan Minh Huy	21	10A2
17	000382	Võ Trần Chí Khang	16	10A2
18	000431	Lương Quốc Khánh	18	10A2
19	000153	Nguyễn Hữu Khoa	7	10A2
20	000174	Nguyễn Thị Hoàng Lan	8	10A2
21	000502	Trần Đặng Gia Long	21	10A2
22	000309	Nguyễn Ngọc Thiên Minh	13	10A2
23	000128	Trần Ngọc Văn Nghi	6	10A2
24	000473	Lê Vũ Hạnh Nguyễn	20	10A2
25	000148	Châu Ngọc Thảo Nhi	7	10A2
26	000562	Phạm Hoàng Phương Nhi	24	10A2
27	000347	Nguyễn Hoàng Phúc	15	10A2
28	000217	Phạm Gia Phúc	10	10A2
29	000442	Võ Phạm Hồng Phúc	19	10A2
30	000146	Huỳnh Đoàn Yên Phương	7	10A2
31	000200	Nguyễn Nhật Quang	9	10A2
32	000039	Phạm Nguyễn Ngọc Quang	2	10A2
33	000467	Trần Minh Quang	20	10A2
34	000568	Trịnh Minh Quang	24	10A2
35	000175	Đào Vũ Dịu Thanh	8	10A2
36	000072	Trương Nguyễn Thanh Thảo	3	10A2
37	000496	Lâm Trịnh Anh Thắng	21	10A2
38	000117	Đặng Minh Thư	5	10A2
39	000454	Nguyễn Ngọc Đoàn Trang	19	10A2
40	000020	Nguyễn Thiên Trang	1	10A2
41	000277	Nguyễn Thanh Tú	12	10A2
42	000197	Trần Huỳnh Mỹ Tú	9	10A2
43	000291	Đinh Ngọc Vương	13	10A2
44	000210	Lâm Bảo Vy	9	10A2
45	000092	Nguyễn Thủy Vy	4	10A2

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	000604	Đặng Minh An	25	10A3
2	000592	Bùi Hoàng Phương Anh	25	10A3
3	000645	Đào Hoàng Trâm Anh	27	10A3
4	000643	Lưu Đình Bảo Anh	27	10A3
5	000609	Nguyễn Đỗ Phương Anh	26	10A3
6	000651	Nguyễn Lan Anh	28	10A3
7	000634	Nguyễn Ngọc Phương Anh	27	10A3
8	000637	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	27	10A3
9	000640	Phạm Lý Trúc Anh	27	10A3
10	000641	Trần Bảo Đan	27	10A3
11	000621	Trần Hải Hà	26	10A3
12	000662	Ngô Thanh Hiền	28	10A3
13	000658	Phạm Trung Hiếu	28	10A3
14	000663	Nguyễn Đức Hoàng	28	10A3
15	000596	Huỳnh Khánh Linh	25	10A3
16	000661	Trần Như Trúc Linh	28	10A3
17	000633	Lê Hoàng Khánh Ly	27	10A3
18	000647	Nguyễn Trần Yến Ngọc	28	10A3
19	000617	Phạm Nguyễn Khôi Nguyên	26	10A3
20	000619	Đoàn Yến Nhi	26	10A3
21	000611	Trần Ngọc Nhi	26	10A3
22	000654	Trần Phú	28	10A3
23	000597	Nguyễn Vũ Minh Phương	25	10A3
24	000616	Mai Đỗ Quyên	26	10A3
25	000618	Lương Thị Thanh Thảo	26	10A3
26	000603	Phạm Thị Phương Thảo	25	10A3
27	000638	Nguyễn Hữu Thắng	27	10A3
28	000659	Nguyễn Trường Thịnh	28	10A3
29	000629	Phạm Thị Hà Thu	27	10A3
30	000623	Dương Huỳnh Minh Thư	26	10A3
31	000642	Trần Diệu Tiên	27	10A3
32	000589	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	25	10A3
33	000591	Nguyễn Khánh Trân	25	10A3
34	000656	Nguyễn Lê Bảo Trân	28	10A3
35	000605	Đỗ Lê Minh Trúc	25	10A3
36	000599	Nguyễn Lê Thanh Trúc	25	10A3
37	000636	Đỗ Mộng Tuyết	27	10A3
38	000652	Dương Thị Ngọc Vân	28	10A3
39	000608	Nguyễn Thị Thảo Vy	26	10A3
41	000539	Nguyễn Thanh Tú	23	10A3
42	000538	Trần Huỳnh Mỹ Tú	23	10A3
43	000562	Đinh Ngọc Vương	24	10A3
44	000563	Lâm Bảo Vy	24	10A3
45	000573	Nguyễn Thủy Vy	24	10A3

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	000595	Nguyễn Lê Thanh An	25	10A4
2	000600	Trần Thị Hà An	25	10A4
3	000587	Lại Phương Anh	25	10A4
4	000612	Tôn Mỹ Anh	26	10A4
5	000646	Nguyễn Phạm Thiên Ân	28	10A4
6	000649	Nguyễn Trần Gia Bảo	28	10A4
7	000610	Lê Ngọc Minh Châu	26	10A4
8	000625	Trần Thùy Dung	26	10A4
9	000627	Nguyễn Quỳnh Giao	27	10A4
10	000624	Nguyễn Ngọc Hân	26	10A4
11	000650	Lê Khánh Huyền	28	10A4
12	000613	Nguyễn Xuân Hương	26	10A4
13	000614	Lâm Đình Quốc Khánh	26	10A4
14	000622	Lê Anh Kiệt	26	10A4
15	000593	Bùi Nhật Khánh Linh	25	10A4
16	000631	Trần Thạch Phúc Linh	27	10A4
17	000660	Huỳnh Thị Kim Loan	28	10A4
18	000586	Lưu Nhật Mai	25	10A4
19	000598	Ngô Thùy Mai	25	10A4
20	000655	Trần Lê Xuân Mai	28	10A4
21	000590	Dương Khải My	25	10A4
22	000632	Võ Hoàng Phương Nghi	27	10A4
23	000644	Trần Minh Ngọc	27	10A4
24	000601	Lê Nguyễn Thảo Nhi	25	10A4
25	000628	Vũ Hoàng Yến Nhi	27	10A4
26	000657	Ngô Phi Phụng	28	10A4
27	000607	Phạm Uyên Phương	26	10A4
28	000635	Lâm Thanh Trúc Quỳnh	27	10A4
29	000588	Nguyễn Đỗ Phương Quỳnh	25	10A4
30	000639	Vũ Văn Tân	27	10A4
31	000648	Võ Tấn Thiện	28	10A4
32	000602	Huỳnh Minh Thư	25	10A4
33	000620	Bùi Phương Trang	26	10A4
34	000615	Nghiêm Bảo Trâm	26	10A4
35	000630	Trần Thụy Thảo Trúc	27	10A4
36	000626	Chu Diệp Phương Uyên	27	10A4
37	000606	Lê Tường Vy	26	10A4
38	000594	Dương Hạnh Xuân	25	10A4
39	000653	Phạm Ngọc Quỳnh Hương	28	10A4
40	000664	Phạm Ánh Dương	28	10A4

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	000421	Phan Hữu Minh An	18	10A5
2	000205	Lê Vũ Lam Anh	9	10A5
3	000022	Nguyễn Lan Anh	1	10A5
4	000187	Hoàng Thiên Bảo	8	10A5
5	000555	Doãn Văn Công Chiến	23	10A5
6	000368	Trần Đức Chính	16	10A5
7	000381	Dương Phạm Thùy Dương	16	10A5
8	000348	Nguyễn Huỳnh Minh Đức	15	10A5
9	000254	Hoàng Lê Hương Giang	11	10A5
10	000369	Lê Viết Mỹ Hạnh	16	10A5
11	000511	Nguyễn Mai Văn Hào	22	10A5
12	000094	Nguyễn Ngọc Hân	4	10A5
13	000458	Đậu Quang Huy	19	10A5
14	000313	Huỳnh Ngô Nhứt Huy	14	10A5
15	000374	Nguyễn Hưng	16	10A5
16	000285	Phạm Gia Hưng	12	10A5
17	000172	Vũ Thu Hương	8	10A5
18	000041	Châu Ngọc Khanh	2	10A5
19	000371	Nguyễn Duy Khánh	16	10A5
20	000298	Nguyễn Vũ Thiên Khôi	13	10A5
21	000343	Hồ Thiên Kim	15	10A5
22	000559	Mai Thanh Lâm	23	10A5
23	000455	Nguyễn Đình Bảo Long	19	10A5
24	000300	Bùi Khánh Ly	13	10A5
25	000199	Nguyễn Đức Minh	9	10A5
26	000165	Đinh Nguyễn Trung Nam	7	10A5
27	000412	Trần Nguyễn Bích Ngọc	18	10A5
28	000424	Trần Thị Bảo Ngọc	18	10A5
29	000179	Nguyễn Anh Nhật	8	10A5
30	000263	Nguyễn Hồ Thanh Nhi	11	10A5
31	000450	Bùi Trí Nhuận	19	10A5
32	000211	Phùng Tịnh Như	9	10A5
33	000209	Vũ Nam Phương	9	10A5
34	000245	Lê Minh Quân	11	10A5
35	000363	Lê Kiến Tân	16	10A5
36	000196	Nguyễn Phúc Tấn	9	10A5
37	000468	Dương Tiến Thành	20	10A5
38	000323	Bùi Thanh Thảo	14	10A5
39	000526	Đoàn Trọng Thiên	22	10A5
40	000418	Vũ Minh Thiện	18	10A5
41	000443	Võong Thành Thu	19	10A5
42	000449	Phan Ngọc Minh Thư	19	10A5
43	000407	Huỳnh Việt Thy	17	10A5
44	000259	Cao Thiên Cát Tiên	11	10A5
45	000088	Nguyễn Đình Bảo Tín	4	10A5
46	000503	Vũ Thanh Vân	21	10A5

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	000357	Nguyễn Hồ Bình An	15	10A6
2	000219	Nguyễn Thủy An	10	10A6
3	000167	Đào Minh Anh	7	10A6
4	000320	Lê Nguyễn Hồng Anh	14	10A6
5	000435	Nguyễn Thị Ngọc Anh	18	10A6
6	000527	Phạm Nguyễn Minh Anh	22	10A6
7	000488	Hứa Văn Ân	21	10A6
8	000556	Nguyễn Lục Bảo	23	10A6
9	000006	Lê Ngọc Bảo Châu	1	10A6
10	000406	Lê Trần Chung	17	10A6
11	000373	Phạm Tùng Dương	16	10A6
12	000058	Huỳnh Trọng Đạo	3	10A6
13	000083	Nguyễn Thành Đạt	4	10A6
14	000391	Nguyễn Thị Thu Hằng	17	10A6
15	000470	Lương Gia Huy	20	10A6
16	000515	Bùi Thế Hưng	22	10A6
17	000577	Nguyễn Khang Hy	24	10A6
18	000459	Nguyễn Vũ Đăng Khoa	19	10A6
19	000173	Phan Anh Khôi	8	10A6
20	000477	Hoàng Đỗ Nhật Linh	20	10A6
21	000110	Đào Hữu Lộc	5	10A6
22	000276	Trần Ngọc Kiều My	12	10A6
23	000239	Nguyễn Thị Thảo Nghi	10	10A6
24	000541	Trần Đoàn Hồng Ngọc	23	10A6
25	000091	Lưu Phùng Khải Nguyên	4	10A6
26	000576	Nguyễn Trí Nguyên	24	10A6
27	000362	Trần Hoàng Nguyên	16	10A6
28	000396	Đỗ Thị Hồng Nhung	17	10A6
29	000100	Lâm Phi Nhung	5	10A6
30	000183	Nguyễn Hồ Yến Như	8	10A6
31	000142	Hà Thanh Sơn	6	10A6
32	000180	Phan Chí Tấn	8	10A6
33	000029	Nguyễn Thanh Thảo	2	10A6
34	000457	Trần Hưng Thịnh	19	10A6
35	000101	Đỗ Trịnh Thanh Thủy	5	10A6
36	000405	Nguyễn Trúc Hoài Thương	17	10A6
37	000403	Hà Thân Anh Thy	17	10A6
38	000500	Trần Trung Tín	21	10A6
39	000419	Nguyễn Ngọc Trang	18	10A6
40	000325	Trần Nguyễn Thùy Trang	14	10A6
41	000413	Nguyễn Cao Trí	18	10A6
42	000359	Đặng Ngọc Kiều Trinh	15	10A6
43	000194	Phạm Phương Trinh	9	10A6
44	000437	Nguyễn Thanh Trúc	19	10A6
45	000552	Phan Thị Thanh Vy	23	10A6
46	000585	Nguyễn Quỳnh Anh	24	10A6

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	000107	Đỗ Ngọc Minh Anh	5	10A7
2	000497	Nguyễn Hữu Hoàng Anh	21	10A7
3	000184	Nguyễn Ngọc Minh Anh	8	10A7
4	000427	Phan Anh	18	10A7
5	000394	Trịnh Phương Anh	17	10A7
6	000545	Lê Thiên Bảo	23	10A7
7	000116	Nguyễn Huỳnh Gia Bảo	5	10A7
8	000093	Nguyễn Đức Duy	4	10A7
9	000322	Trần Hoàng Đạt	14	10A7
10	000161	Trần Ngô Thành Đạt	7	10A7
11	000188	Phan Ngọc Trường Huy	8	10A7
12	000537	Võ Dương Nhật Hưng	23	10A7
13	000136	Lê Phương Khanh	6	10A7
14	000023	Huỳnh Nguyễn Tấn Khoa	1	10A7
15	000113	Trần Đăng Khoa	5	10A7
16	000501	Vũ Trần Minh Khôi	21	10A7
17	000319	Lâm Hào Kiệt	14	10A7
18	000240	Hoàng Công Lý	10	10A7
19	000484	Trần Công Minh	20	10A7
20	000465	Trần Duy Minh	20	10A7
21	000553	Trần Hoàng Hồng Minh	23	10A7
22	000432	Vũ Lê Đức Minh	18	10A7
23	000334	Nguyễn Trần Quốc Nam	14	10A7
24	000302	Nguyễn Hoàng Ánh Ngọc	13	10A7
25	000213	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	9	10A7
26	000061	Viên Thụy Thanh Ngọc	3	10A7
27	000170	Dương Thị Quỳnh Như	8	10A7
28	000571	Lê Quỳnh Như	24	10A7
29	000466	Sù Tú Ái Như	20	10A7
30	000461	Trịnh Thế Phú	20	10A7
31	000444	Nguyễn Diên Phúc	19	10A7
32	000140	Đỗ Khánh Quân	6	10A7
33	000208	Nguyễn Minh Tâm	9	10A7
34	000390	Phạm Thị Anh Thu	17	10A7
35	000350	Nguyễn Trịnh Anh Thụy	15	10A7
36	000534	Phạm Nguyễn Thanh Thư	22	10A7
37	000341	Phan Trung Tín	15	10A7
38	000531	Trần Thanh Trà	22	10A7
39	000290	Hoàng Thị Ngọc Trang	13	10A7
40	000331	Hồ Thị Thanh Trúc	14	10A7
41	000482	Huỳnh Phạm Tuyền	20	10A7
42	000463	Ông Quốc Thiên Tường	20	10A7
43	000215	Hứa Hiền Vinh	9	10A7
44	000439	Nguyễn Phạm Thảo Vy	19	10A7
45	000486	Phạm Thảo Vy	21	10A7
46	000535	Trần Thị Hải Yến	22	10A7

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	000301	Lê Phạm Thủy An	13	10A8
2	000451	Nguyễn Ngọc Thiên An	19	10A8
3	000181	Lê Phương Anh	8	10A8
4	000252	Lê Thị Ngọc Anh	11	10A8
5	000327	Nguyễn Thủy Anh	14	10A8
6	000103	Phạm Quốc Bảo	5	10A8
7	000353	Nguyễn Ngọc Diễm	15	10A8
8	000547	Nguyễn Cao Ý Duyên	23	10A8
9	000223	Đặng Thị Thùy Dương	10	10A8
10	000578	Nguyễn Phúc Thành Đạt	24	10A8
11	000469	Đinh Hương Giang	20	10A8
12	000546	Nguyễn Kiều Gia Hân	23	10A8
13	000489	Ngô Đình Quang Huy	21	10A8
14	000471	Phạm Quỳnh Hương	20	10A8
15	000483	Mai Phương Khanh	20	10A8
16	000232	Lê Diễm Vinh Khánh	10	10A8
17	000445	Phạm Minh Khuê	19	10A8
18	000569	Phạm Nguyễn Ngọc Linh	24	10A8
19	000518	Vũ Thùy Linh	22	10A8
20	000337	Nguyễn Trần Trung Linh	15	10A8
21	000344	Phạm Lâm Phước Lộc	15	10A8
22	000550	Trương Hữu Lộc	23	10A8
23	000513	Phạm Tài Nam	22	10A8
24	000330	Nguyễn Xuân Hồng Ngân	14	10A8
25	000339	Trần Phan Thanh Ngân	15	10A8
26	000499	Châu Trần Phương Nghi	21	10A8
27	000185	Ngô Thị Bích Ngọc	8	10A8
28	000446	Nguyễn Thị Như Ngọc	19	10A8
29	000393	Vũ Lê Yến Ngọc	17	10A8
30	000132	Lê Huỳnh Nhu	6	10A8
31	000312	Nguyễn Tấn Phát	13	10A8
32	000505	Lê Long Phúc	21	10A8
33	000139	Hồ Ngọc Thiên Phước	6	10A8
34	000492	Lê Hoàng Uyên Phương	21	10A8
35	000233	Phạm Nguyễn Nam Phương	10	10A8
36	000485	Đào Nhật Quang	20	10A8
37	000408	Lê Nguyễn Minh Quang	17	10A8
38	000246	Trần Kim Quốc	11	10A8
39	000014	Hồ Thanh Thảo	1	10A8
40	000367	Nguyễn Thị Thanh Thùy	16	10A8
41	000324	Phan Trung Tín	14	10A8
42	000542	Đinh Phương Trâm	23	10A8
43	000064	Trần Ngọc Hải Triều	3	10A8
44	000560	Lê Nữ Hoàng Vy	23	10A8

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	000171	Hoàng Hồng Anh	8	10A9
2	000141	Hồ Minh Anh	6	10A9
3	000380	Phan Trần Sơn Bách	16	10A9
4	000460	Đỗ Khánh Bình	19	10A9
5	000118	Vũ Hoàng Dung	5	10A9
6	000283	Bùi Quang Đoàn	12	10A9
7	000134	Lê Đình Anh Đức	6	10A9
8	000328	Trần Minh Đức	14	10A9
9	000050	Phạm Thế Gia	3	10A9
10	000430	Tôn Nữ Tịnh Hà	18	10A9
11	000433	Nguyễn Minh Hải	18	10A9
12	000030	Nguyễn Thành Hiếu	2	10A9
13	000452	Trần Đức Hòa	19	10A9
14	000332	Bùi Minh Hoàng	14	10A9
15	000007	Nguyễn Minh Hoàng	1	10A9
16	000305	Phan Minh Hùng	13	10A9
17	000191	Nguyễn Đăng Huy	8	10A9
18	000071	Trần Tấn Huy	3	10A9
19	000063	Nguyễn Thế Hưng	3	10A9
20	000274	Nguyễn Quỳnh Hương	12	10A9
21	000066	Đặng Anh Khoa	3	10A9
22	000075	Nguyễn Lê Đăng Khoa	4	10A9
23	000015	Trần Lê Nhật Khởi	1	10A9
24	000067	Vũ Hoàng Anh Kiệt	3	10A9
25	000045	Trần Gia Lộc	2	10A9
26	000329	Lê Hoàng Nam	14	10A9
27	000423	Đào Lưu Hiếu Ngân	18	10A9
28	000082	Phạm Hoàng Thiên Ngân	4	10A9
29	000122	Lê Nguyễn Gia Nguyên	6	10A9
30	000086	Nguyễn Hoàng Thảo Nhi	4	10A9
31	000090	Nguyễn Trần Thiên Nhi	4	10A9
32	000127	Phan Như Quỳnh	6	10A9
33	000294	Trần Minh Tài	13	10A9
34	000059	Bùi Nguyễn Minh Tâm	3	10A9
35	000145	Nguyễn Bảo Uyên Thi	7	10A9
36	000166	Nguyễn Ngọc Thanh Thư	7	10A9
37	000355	Nguyễn Song Minh Thư	15	10A9
38	000043	Lý Minh Toàn	2	10A9
39	000269	Võ Đức Trí	12	10A9
40	000255	Đặng Tuyết Trinh	11	10A9
41	000375	Trần Ngọc Phương Trinh	16	10A9
42	000027	Nguyễn Huy Trọng	2	10A9
43	000062	Vũ Minh Tuấn	3	10A9
44	000426	Đoàn Ngọc Ánh Tuyết	18	10A9
45	000177	Đỗ Bạch Diễm Uyên	8	10A9
46	000304	Đỗ Quý Xuân Viên	13	10A9

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	000096	Hồ Gia An	4	10A10
2	000532	Lê Hồng Anh	22	10A10
3	000195	Nguyễn Ngọc Vân Anh	9	10A10
4	000506	Nguyễn Quang Tuấn Anh	21	10A10
5	000220	Phạm Trần Đức Anh	10	10A10
6	000160	Trương Nguyễn Ngọc Dung	7	10A10
7	000262	Đoàn Quang Đăng	11	10A10
8	000557	Nguyễn Thị Hà	23	10A10
9	000385	Lê Minh Hải	16	10A10
10	000279	Phạm Thị Thanh Hằng	12	10A10
11	000297	Mai Ngọc Bảo Hân	13	10A10
12	000364	Nguyễn Mai Gia Hân	16	10A10
13	000052	Đỗ Minh Hiền	3	10A10
14	000010	Phạm Quốc Huy	1	10A10
15	000037	Mai Thu Huyền	2	10A10
16	000164	Nguyễn Đức Minh Hưng	7	10A10
17	000416	Lê Tự Tuấn Khanh	18	10A10
18	000567	Vũ Nguyễn Long	24	10A10
19	000155	Dương Đức Mạnh	7	10A10
20	000543	Nguyễn Duy Khải Minh	23	10A10
21	000085	Nguyễn Trần Nhật Nam	4	10A10
22	000222	Nguyễn Hoàng Kim Ngân	10	10A10
23	000236	Nguyễn Quế Ngọc	10	10A10
24	000570	Võ Thành Nhân	24	10A10
25	000105	Nguyễn Đức Phát	5	10A10
26	000112	Nguyễn Văn Bảo Phúc	5	10A10
27	000387	Phan Đại Phước	17	10A10
28	000264	Đỗ Thị Ngọc Phượng	11	10A10
29	000315	Lê Minh Quân	14	10A10
30	000009	Võ Minh Quân	1	10A10
31	000338	Võ Ngọc Như Quỳnh	15	10A10
32	000248	Đặng Xuân Thi	11	10A10
33	000186	Trần Minh Thông	8	10A10
34	000356	Nguyễn Thị Minh Thư	15	10A10
35	000040	Trần Thị Thủy Tiên	2	10A10
36	000310	Võ Thanh Toàn	13	10A10
37	000138	Trịnh Huyền Trang	6	10A10
38	000212	Phạm Bích Trâm	9	10A10
39	000308	Vũ Hà Văn	13	10A10
40	000299	Huỳnh Xuân Hoàn Vũ	13	10A10
41	000053	Phan Thùy Diễm Vy	3	10A10
42	000265	Huỳnh Hồ Kim Yến	12	10A10
43	000168	Lê Nguyễn Bảo Duy	7	10A10
44	000109	Phan Minh Khoa	5	10A10
45	000509	Nhữ Quỳnh Anh	21	10A10

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	000159	Cao Ngọc Phương Anh	7	10A11
2	000558	Cao Thái Bảo	23	10A11
3	000238	Lê Viết Thái Bảo	10	10A11
4	000081	Quan Toại Công	4	10A11
5	000133	Lê Tiến Dũng	6	10A11
6	000456	Trần Tùng Dương	19	10A11
7	000573	Nguyễn Cơ Điền	24	10A11
8	000201	Hà Ngọc Hiền	9	10A11
9	000370	Nguyễn Bá Hiệp	16	10A11
10	000119	Hồ Đoàn Gia Huy	5	10A11
11	000333	Trịnh Quang Huy	14	10A11
12	000566	Vũ Duy Khánh	24	10A11
13	000376	Phạm Đăng Khoa	16	10A11
14	000154	Nguyễn Huỳnh Thanh Lam	7	10A11
15	000389	Chu Hoàng Long	17	10A11
16	000227	Trần Xuân Lộc	10	10A11
17	000005	Cao Dương Thành Luân	1	10A11
18	000114	Nguyễn Hàn Hoài Nam	5	10A11
19	000054	Trần Duy Nam	3	10A11
20	000001	Mai Võ Yến Ngọc	1	10A11
21	000069	Nguyễn Minh Nhật	3	10A11
22	000326	Nguyễn Lữ Song Nhi	14	10A11
23	000241	Nguyễn Thị Tú Nhi	11	10A11
24	000261	Trần Yến Nhi	11	10A11
25	000095	Chang Bùi Bội Như	4	10A11
26	000169	Nguyễn Quỳnh Như	8	10A11
27	000026	Nguyễn Mạnh Phát	2	10A11
28	000036	Phạm Tấn Phát	2	10A11
29	000016	Lê Thanh Phong	1	10A11
30	000031	Ngô Thị Kim Phượng	2	10A11
31	000017	Nguyễn Văn Nam Quang	1	10A11
32	000409	Trần Nhật Quang	17	10A11
33	000078	Nguyễn Minh Thủy	4	10A11
34	000049	Phạm Huỳnh Thanh Thư	3	10A11
35	000495	Trương Thị Diệu Thương	21	10A11
36	000163	Lê Quỳnh Trâm	7	10A11
37	000420	Trần Nguyễn Khánh Trân	18	10A11
38	000307	Phạm Nguyễn Tấn Trọng	13	10A11
39	000490	Nguyễn Mai Uyên	21	10A11
40	000080	Vương Thanh Uyên	4	10A11
41	000178	Lê Công Vinh	8	10A11
42	000129	Bùi Thị Phương Yên	6	10A11
43	000366	Tổng Mặc Khải	16	10A11

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	000512	Phạm Hải Anh	22	10A12
2	000278	Nguyễn Lê Duy Bảo	12	10A12
3	000398	Vũ Quốc Bảo	17	10A12
4	000271	Đinh Xuân Cường	12	10A12
5	000584	Nguyễn Hồ Ngọc Duy	24	10A12
6	000012	Trần Đình Anh Duy	1	10A12
7	000395	Trần Thị Mỹ Duyên	17	10A12
8	000474	Vũ Bảo Minh Đan	20	10A12
9	000564	Lưu Minh Đức	24	10A12
10	000034	Võ Thúy Hằng	2	10A12
11	000176	Nguyễn Vương Gia Hân	8	10A12
12	000135	Phạm Lại Gia Hân	6	10A12
13	000311	Nguyễn Thị Mỹ Hoàn	13	10A12
14	000056	Lê Trần Quang Huy	3	10A12
15	000258	Trịnh Thị Thu Hương	11	10A12
16	000224	Đặng Minh Khoa	10	10A12
17	000267	Nguyễn Bùi Huỳnh Khương	12	10A12
18	000354	Dương Anh Kiệt	15	10A12
19	000123	Nguyễn Trương Thanh Lam	6	10A12
20	000563	Bùi Hoàng Lâm	24	10A12
21	000275	Nguyễn Đào Xuân Linh	12	10A12
22	000111	Nguyễn Gia Long	5	10A12
23	000524	Trương Vũ Hoàng Lộc	22	10A12
24	000042	Đoàn Thoại Kim Ngân	2	10A12
25	000076	Trần Thanh Ngân	4	10A12
26	000025	Trần Trung Nguyên	2	10A12
27	000104	Nguyễn Hồng Nhật	5	10A12
28	000425	Nguyễn Thụy Khả Nhi	18	10A12
29	000003	Trần Thị Thảo Như	1	10A12
30	000038	Nguyễn Bình Phương Nữ	2	10A12
31	000293	Chung Nguyễn Thanh Sang	13	10A12
32	000221	Lê Quốc Sư	10	10A12
33	000234	Nguyễn Trường Tài	10	10A12
34	000493	Hoàng Mỹ Tâm	21	10A12
35	000536	Hồ Hoàng Như Tâm	23	10A12
36	000074	Võ Thị Như Tâm	4	10A12
37	000162	Đoàn Thị Phương Thảo	7	10A12
38	000143	Huỳnh Thị Anh Thi	6	10A12
39	000295	Đỗ Hoàng Thiện	13	10A12
40	000388	Phạm Ngọc Anh Thư	17	10A12
41	000216	Phạm Nguyên Toàn	9	10A12
42	000152	Lê Nguyễn Huyền Trân	7	10A12
43	000365	Lê Quốc Khánh	16	10A12
44	000516	Nguyễn Hoàng Quỳnh Như	22	10A12
45	000079	Cam Xuân Lộc	4	10A12

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	000225	Lê Đoàn Bảo An	10	10A13
2	000581	Mai Thị Thủy An	24	10A13
3	000247	Phạm Thanh An	11	10A13
4	000242	Hoàng Minh Anh	11	10A13
5	000256	Nguyễn Nhật Quỳnh Anh	11	10A13
6	000321	Trần Ngọc Lan Anh	14	10A13
7	000551	Phạm Hoàng Thiên Bảo	23	10A13
8	000478	Vũ Nguyễn Bình	20	10A13
9	000528	Nguyễn Khánh Duy	22	10A13
10	000121	Đỗ Ngọc Thùy Dương	6	10A13
11	000021	Hoàng Thị Thùy Dương	1	10A13
12	000243	Nguyễn Phạm Minh Đan	11	10A13
13	000358	Bùi Thị Quỳnh Giang	15	10A13
14	000033	Nguyễn Thị Hạnh	2	10A13
15	000150	Lê Thị Xuân Hiền	7	10A13
16	000317	Huỳnh Gia Hoàng	14	10A13
17	000084	Nguyễn Phi Hoàng	4	10A13
18	000539	Đổng Nguyễn Gia Huy	23	10A13
19	000476	Lê Hoàng Trọng Huy	20	10A13
20	000024	Lê Văn Huy	1	10A13
21	000266	Lưu Gia Huy	12	10A13
22	000475	Lê Nguyễn Gia Hưng	20	10A13
23	000250	Nguyễn Đức Bảo Hưng	11	10A13
24	000151	Trần Thị Diễm Hương	7	10A13
25	000510	Lê Hà Nguyên Khoa	21	10A13
26	000392	Tôn Bảo Minh	17	10A13
27	000284	Lê Đức Nam	12	10A13
28	000530	Nguyễn Đức Nghĩa	22	10A13
29	000565	Đinh Bá Ngọc	24	10A13
30	000429	Nguyễn Bảo Ngọc	18	10A13
31	000582	Nguyễn Minh Ngọc	24	10A13
32	000193	Lê Hoàng Thành Nhân	9	10A13
33	000372	Trần Thanh Phúc	16	10A13
34	000286	Phan Nguyễn Hoàng Bảo Quy	12	10A13
35	000137	Nguyễn Xuân Quỳnh	6	10A13
36	000386	Nguyễn Thành Tài	17	10A13
37	000051	Đào Ngọc Như Thanh	3	10A13
38	000397	Trần Ngọc Thành	17	10A13
39	000032	Phạm Thị Trinh	2	10A13
40	000520	Đặng Võ Đồng Trúc	22	10A13
41	000544	Võ Hoàng Tuấn	23	10A13
42	000441	Nguyễn Văn Tý	19	10A13
43	000448	Nguyễn Phương Uyên	19	10A13
44	000378	Nguyễn Phúc Thảo Vy	16	10A13
45	000523	Phạm Hoàng Mai Vy	22	10A13
46	000108	Vũ Nhật Huy	5	10A13

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	000218	Phạm Văn Anh	10	10A14
2	000498	Trương Võ Hoài Bảo	21	10A14
3	000011	Nguyễn Doãn Khải Ca	1	10A14
4	000383	Nguyễn Ngọc Kim Chi	16	10A14
5	000055	Đặng Nguyễn Thùy Dương	3	10A14
6	000296	Nguyễn Hữu Hải Đăng	13	10A14
7	000292	Phan Minh Đức	13	10A14
8	000226	Trịnh Nguyễn Khánh Hằng	10	10A14
9	000229	Bùi Vũ Bảo Hân	10	10A14
10	000306	Bùi Vũ Gia Hân	13	10A14
11	000044	Hoàng Phạm Khánh Hân	2	10A14
12	000130	Văn Thị Thu Hậu	6	10A14
13	000098	Cù Minh Hiếu	5	10A14
14	000529	Phạm Hoàng Minh Hiếu	22	10A14
15	000522	Trần Hữu Minh Hiếu	22	10A14
16	000144	Phạm Minh Hoàng	6	10A14
17	000273	Dương Đức Huy	12	10A14
18	000580	Đặng Quang Huy	24	10A14
19	000073	Lý Đăng Huy	4	10A14
20	000318	Nguyễn Đăng Huynh	14	10A14
21	000554	Nguyễn Huỳnh Quốc Hương	23	10A14
22	000120	Vũ Khải	5	10A14
23	000235	Huỳnh Duy Khang	10	10A14
24	000289	Phạm Ngọc Thụy Khanh	13	10A14
25	000538	Nguyễn Vũ Phương Khánh	23	10A14
26	000440	Nguyễn Minh Khoa	19	10A14
27	000377	Nguyễn Hoàng Lâm	16	10A14
28	000494	Nguyễn Thị Thùy Linh	21	10A14
29	000303	Ngô Đức Mạnh	13	10A14
30	000035	Nguyễn Trọng Minh	2	10A14
31	000514	Mạc Minh Quân	22	10A14
32	000340	Vũ Tuấn Thành	15	10A14
33	000244	Hồ Diệp Thanh Thuận	11	10A14
34	000316	Trang Văn Thuận	14	10A14
35	000410	Nguyễn Ngọc Phương Thùy	17	10A14
36	000288	Lư Kim Thư	12	10A14
37	000087	Nguyễn Hoàng Thùy Tiên	4	10A14
38	000249	Lại Cao Trung	11	10A14
39	000335	Phan Bảo Trung	14	10A14
40	000351	Nguyễn Minh Tuấn	15	10A14
41	000260	Ngô Đào Tuyền	11	10A14
42	000579	Nguyễn Bình Phương Uyên	24	10A14
43	000525	Thân Thụy Thảo Vy	22	10A14
44	000251	Nguyễn Phạm Hải Yên	11	10A14

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	000379	Mạch Ngọc Anh	16	10A15
2	000281	Nguyễn Quốc Anh	12	10A15
3	000124	Nguyễn Thanh Cần	6	10A15
4	000479	Khuất Tiến Duy	20	10A15
5	000206	Đỗ Linh Đan	9	10A15
6	000282	Ngô Quý Hào	12	10A15
7	000065	Trần Nguyễn Ngọc Hân	3	10A15
8	000533	Trần Thị Minh Hiếu	22	10A15
9	000157	Lê Thị Ánh Hoa	7	10A15
10	000336	Phạm Trương Phú Khang	14	10A15
11	000125	Đỗ Phạm Huy Khôi	6	10A15
12	000002	Hoàng Ngọc Minh Khuê	1	10A15
13	000270	Nguyễn Thị Lụa	12	10A15
14	000060	Trương Hoàng Minh	3	10A15
15	000346	Trương Trần Anh Minh	15	10A15
16	000018	Bùi Nguyễn Trọng Nghĩa	1	10A15
17	000068	Nguyễn Võ Ngọc	3	10A15
18	000540	Trần Giáng Ngọc	23	10A15
19	000089	Trần Trọng Nhân	4	10A15
20	000583	Lê Bảo Nhi	24	10A15
21	000453	Nguyễn Thị Uyên Nhi	19	10A15
22	000126	Nguyễn Yến Nhi	6	10A15
23	000182	Nguyễn Đàm Tâm Như	8	10A15
24	000481	Trần Hoàng Oanh	20	10A15
25	000013	Nguyễn Hồng Phúc	1	10A15
26	000106	Cao Huỳnh Phước	5	10A15
27	000115	Nguyễn Minh Phương	5	10A15
28	000156	Lê Minh Quang	7	10A15
29	000575	Nguyễn Tất Hoàng Quân	24	10A15
30	000462	Hồ Sĩ Vĩnh San	20	10A15
31	000491	Phạm Lê Thanh Tài	21	10A15
32	000521	Hoàng Như Tâm	22	10A15
33	000287	Trần Thanh Tâm	12	10A15
34	000231	Đoàn Thị Phương Thanh	10	10A15
35	000070	Vũ Mạnh Vương Thiên	3	10A15
36	000268	Vũ Nguyễn Thủy Tiên	12	10A15
37	000198	Võ Minh Trí	9	10A15
38	000280	Kwon Mai Trinh	12	10A15
39	000517	Nguyễn Trương Quốc Trung	22	10A15
40	000447	Phạm Trọng Anh Tú	19	10A15
41	000438	Phùng Đức Anh Tuấn	19	10A15
42	000400	Phạm Gia Tuệ	17	10A15
43	000046	Lại Thảo Vy	2	10A15
44	000019	Nguyễn Thanh Xinh	1	10A15
45	000464	Trương Hoàng Yến	20	10A15
46	000428	Nguyễn Huy Hoàng	18	10A15